

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 8 - 2025.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hồng Hải

Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 1 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Số E, đường A, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Ngọc T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số E, đường A, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện tại: Tổ B, thôn Đ, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của Phạm Thị Ngọc M thì: Bà và ông Châu Ngọc T đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện và không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng một thời gian thì bà M chuyển lên thành phố Đ làm ăn, sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T ham chơi bài bạc, có mối quan hệ

bất chính với người phụ nữ khác, không đi làm để cùng bà lo cho gia đình, con cái, bà có khuyên bảo thì ông T không nghe, còn đánh đập bà, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện ông bà đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Ngọc T.

- Về con chung: Bà M xác định có 01 con chung là Châu Ngọc K, sinh ngày, sinh ngày 26/02/2016. Hiện con đang ở với bà M. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà M xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà M xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T và yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Châu Ngọc K, không yêu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc M, cho bà M được ly hôn với ông Châu Ngọc T. Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc K, sinh ngày, sinh ngày 26/02/2016 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc M với ông Châu Ngọc T, cư trú tại: Số E, đường A, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà Phạm Thị Ngọc M và ông Châu Ngọc T đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà M và ông T hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà M nguyên nhân mâu thuẫn do ông T ham chơi bài bạc, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không đi làm để cùng bà lo cho gia đình, con cái, bà có khuyên bảo nhưng ông T không nghe, còn đánh đập bà, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm nay không thể giải quyết. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông T phát sinh và kéo dài cho đến nay không thể giải quyết, bà M xác định không còn tình cảm với ông T, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc. Như vậy, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà M và ông T là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Bà M xác định vợ chồng có 01 con chung là Châu Ngọc K, sinh ngày 26/02/2016. Bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K đang do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu K có nguyện vọng ở với mẹ nên giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc M. Bà Phạm Thị Ngọc M và ông Châu Ngọc T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con chung là Châu Ngọc K, sinh ngày 26/02/2016 cho bà Phạm Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà M đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001933 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà M đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Ngọc M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông Châu Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Trường – Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Vân Anh